

LỜI CẢM ƠN

Lời đầu tiên em xin bày tỏ lòng cảm ơn chân thành và sâu sắc nhất đến Thạc sỹ Tôn Thất Lê Hoàng Thiện, người hướng dẫn khoa học của luận văn này. Thầy đã tận tình hướng dẫn từ khâu chọn đề tài đến cách tiếp cận thực tiễn tại đơn vị, đưa ra những định hướng cụ thể, cũng như góp ý, nhận xét những điểm mà em cần sửa đổi, bổ sung để em hoàn thành bài luận văn tốt nhất.

Để hoàn thành khóa luận tốt nghiệp này, ngoài ra em cũng xin gửi lời cảm ơn đến: Các Thầy Cô giáo trong Khoa Kế toán - Kiểm toán, Trường Đại học Kinh Tế - Đại học Huế đã tận tình truyền đạt kiến thức nền tảng cơ sở, kiến thức chuyên sâu về Kế toán - Kiểm toán thực sự hữu ích cho bản thân trong suốt những năm học ở trường để có thể nghiên cứu và phân tích luận văn tốt nghiệp.

Trong suốt thời gian nghiên cứu và thực hiện bài báo cáo, em cũng xin chân thành cảm ơn các anh chị phòng Kế toán- Tài vụ của Công ty Cổ phần Xây Dựng - Giao Thông Thừa Thiên Huế đã nhiệt tình giúp đỡ em trong quá trình thu thập số liệu, chia sẻ và tạo mọi điều kiện tốt nhất để em có thể hoàn thành tốt khóa luận tốt nghiệp.

Bên cạnh sự cố gắng rất nhiều của bản thân thì do thời gian, kiến thức và kinh nghiệm có hạn, và cũng là lần đầu tiên được tiếp xúc, làm việc thực tế tại công ty nên bài làm của em còn có nhiều thiếu sót trong việc trình bày, đánh giá và đề xuất ý kiến. Em rất mong nhận được sự thông cảm và đóng góp ý kiến của quý thầy cô và các bạn.

Cuối cùng em kính chúc quý thầy, cô giáo dồi dào sức khỏe và thành công trong sự nghiệp cao quý. Đồng kính chúc các cô, chú, anh, chị trong công ty cổ phần xây dựng - giao thông TT.Huế luôn dồi dào sức khỏe, đạt được nhiều thành công tốt đẹp trong công việc và cuộc sống.

Em xin chân thành cảm ơn!

Huế, Ngày 20 tháng 12 năm 2019

Sinh viên

Trần Thị Lụa

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

BCĐKT:	Bảng cân đối kế toán
BCKQHĐKD:	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
BVMT	Bảo vệ môi trường
CC-DC:	Công cụ dụng cụ
CN:	Chi nhánh
CNH-HĐH:	Công nghiệp hóa hiện đại hóa
CNĐKKD	Chứng nhận đăng ký kinh doanh
CSKD:	Cơ sở kinh doanh
CSTT	Cơ sở trụ sở
CP:	Cổ phần
DH:	Dài hạn
DTT	Doanh thu thuần
ĐDH	Đơn đặt hàng
HĐQT:	Hội đồng quản trị
HTKK:	Hệ thống kê khai
HTX	Hợp tác xã
HHDV:	Hàng hóa dịch vụ
KH-CN:	Khoa học công nghệ
KTVN:	Kế toán Việt Nam
KT-XH:	Kinh tế xã hội
NCC	Nhà cung cấp
NNT	Người nộp thuế
NVL:	Nguyên vật liệu
NPT:	Nợ phải trả
NH:	Ngắn hạn
NSNN:	Ngân sách nhà nước
TMBCTC:	Thuyết minh báo cáo tài chính
TTĐB	Tiêu thụ đặc biệt
TSCĐ:	Tài sản cố định
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
VCSH:	Vốn chủ sở hữu
UBNN:	Ủy ban nhân dân
PXK:	Phiếu xuất kho
PNK	Phiếu nhập kho
XD-GT:	Xây dựng giao thông
VNĐ	Việt Nam Đồng

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 2.1- Biến động tài sản qua 3 năm 2016-2018.....	47
---	----

Tailieu.vn

Trường Đại học Kinh tế Huế

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1. Kế toán thuế GTGT đầu vào đối với HHĐV mua vào trong nước ...	17
Sơ đồ 1.2. Kế toán thuế GTGT đầu vào đối với HHĐV nhập khẩu	18
Sơ đồ 1.3. Kế toán thuế GTGT đầu ra đối với bán hàng trả ngay.	19
Sơ đồ 1.4. Kế toán thuế GTGT đầu ra trường hợp bán hàng ký gửi (tại công ty).	19
Sơ đồ 1.5: Kế toán thuế GTGT đầu ra trường hợp bán hàng ký gửi (tại đại lý).	20
Sơ đồ 1.6. Kế toán thuế GTGT đầu ra trường hợp bán hàng trả góp, trả chậm..	20
Sơ đồ 1.7. Sơ đồ kế toán chênh lệch thuế TNDN	35
Sơ đồ 2.1. Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của Công ty	42
Sơ đồ 2.2: Tổ chức bộ máy kế toán.....	52
Sơ đồ 2.3. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán máy	54

DANH MỤC BẢNG

Bảng 2.1: Tình hình lao động của công ty qua 3 năm 2016- 2018.....	44
Bảng 2.2: Tình hình biến động của tài sản qua 3 năm 2016-2018	46
Bảng 2.3. Tình hình biến động của nguồn vốn qua 3 năm 2016-2018.....	48
Bảng 2.4. Tình hình biến động kết quả hoạt động kinh doanh qua 3 năm 2016-2018	50

MỤC LỤC

PHẦN I: ĐẶT VẤN ĐỀ	1
1. Tính cấp thiết của đề tài	1
2. Mục tiêu nghiên cứu của đề tài	2
3. Đối tượng nghiên cứu của đề tài	2
4. Phạm vi nghiên cứu của đề tài	3
5. Phương pháp nghiên cứu.....	3
6. Kết cấu của đề tài.	4
7. Tính mới của đề tài.....	4
PHẦN II: NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU.....	5
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ THUẾ, KẾ TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG VÀ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP.....	5
1.2.1. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về thuế GTGT	6
1.2.2. Khái niệm	7
1.2.3. Đối tượng nộp thuế.....	7
1.2.4. Đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng	9
1.2.5. Đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng	9
1.2.6. Căn cứ tính thuế và phương pháp tính thuế giá trị gia tăng.....	10
1.2.6.1. Căn cứ tính thuế giá trị gia tăng.....	10
1.2.6.2. Phương pháp tính thuế giá trị gia tăng	14
1.2.7. Hạch toán thuế giá trị gia tăng	16
1.2.7.1. Thuế GTGT đầu vào	16
1.2.7.2. Kế toán thuế GTGT đầu ra.....	18
1.2.8. kê khai thuế, và nộp thuế giá trị gia tăng	21
1.2.9. Hoàn thuế giá trị gia tăng.....	23
1.3. Nội dung cơ bản về thuế thu nhập doanh nghiệp.....	24
1.3.1. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về thuế TNDN.....	24
1.3.2. Khái niệm	25
1.3.3. Đối tượng nộp thuế.....	26

1.3.4. Đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	26
1.3.5. Đối tượng không chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	26
1.3.6. Căn cứ và phương pháp tính thuế	27
1.3.6.1. Căn cứ tính thuế thu nhập doanh nghiệp.....	27
1.3.6.2. Phương pháp tính thuế thu nhập doanh nghiệp.....	32
1.3.7. kê khai, quyết toán và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	36
1.3.8. Kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp.....	38
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG VÀ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG – GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ.....	39
2.1. Giới thiệu về công ty cổ phần xây dựng - giao thông Thừa Thiên Huế	39
2.1.1. Giới thiệu chung về công ty	39
2.1.2. Lịch sử hình thành và phát triển của công ty	40
2.1.3. Chức năng và nhiệm vụ của công ty	41
2.1.4. Tổ chức bộ máy quản lý của công ty CP XD-GT TT.Huế	42
2.1.4.1. Tổ chức bộ máy quản lý.....	42
2.1.4.2. Chức năng và nhiệm vụ của từng bộ phận trong công ty	42
2.1.5. Tình hình lao động của công ty trong 3 năm 2016-2018.....	44
2.1.6. Tình hình tài sản và nguồn vốn của Công ty qua ba năm 2016-2018	46
2.1.7. Tình hình kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty qua ba năm 2016- 2018	50
2.1.8. Khái quát chung về công tác kế toán tại công ty cổ phần XD-GT TTH ..	52
2.1.8.1. Tổ chức bộ máy kế toán	52
2.1.8.2. Chức năng và nhiệm vụ của từng bộ phận.....	52
2.1.9. Tổ chức vận dụng chế độ, chứng từ và sổ sách kế toán.....	54
2.2. Thực trạng công tác kế toán thuế GTGT tại công ty cổ phần XD - GT Thừa Thiên Huế.....	55
2.2.1. Thuế Giá trị gia tăng đầu vào.....	55
2.2.2. Kế toán thuế GTGT đầu ra.....	63
2.2.3. kê khai, Khấu trừ thuế và nộp thuế GTGT tại công ty CP XD - GT TT.Huế	69

2.2.4. kê khai thuế GTGT lên phần mềm HTKK 4.2.3.....	81
2.3. Thực trạng công tác kế toán Thu nhập doanh nghiệp	82
2.3.1. Chứng từ, tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng	82
2.3.2. Đặc điểm	83
2.3.3. Hạch toán thuế thu nhập doanh nghiệp	84
2.3.4. kê khai thuế, Quyết toán thuế.....	84
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ ĐÁNH GIÁ VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIÊN CÔNG TÁC KẾ TOÁN THUẾ GTGT VÀ THUẾ TNDN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG - GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ	88
3.1. Đánh giá về tình hình tổ chức công tác kế toán thuế GTGT và thuế TNDN tại công ty cổ phần xây dựng - Giao thông Thừa Thiên Huế.....	88
3.1.1. Ưu điểm.....	88
3.1.2. Nhược điểm.....	91
3.2. Một số giải pháp nhằm góp phần hoàn thiện công tác kế toán thuế GTGT và thuế TNDN tại công ty.....	93
PHẦN III: KẾT LUẬN	97
1. Mức độ đáp ứng của đề tài:.....	97
2. Hạn chế của đề tài	97
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	99

PHẦN I: ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tính cấp thiết của đề tài

Đất nước ngày càng đổi mới, phát triển theo xu hướng công nghiệp hóa hiện đại hóa. Quá trình này đang diễn ra ngày càng mạnh mẽ. Trong những năm gần đây đất nước thay đổi tích cực trên mọi lĩnh vực đời sống. Bởi vậy song song với quá trình phát triển ấy yêu cầu xây dựng và hiện đại hóa theo yêu cầu cơ sở hạ tầng đang phát triển theo. Chính vì vậy ngành xây dựng giao thông đang phát triển mạnh.

Tuy nhiên các doanh nghiệp cũng gặp không ít thách thức cần đổi mới. Bởi vậy để đối mặt với những khó khăn và nắm bắt cơ hội đứng vững và phát triển trước sự cạnh tranh gay gắt của các đối thủ khác trong ngành đòi hỏi doanh nghiệp cần không ngừng hoàn thiện bộ máy quản lý và phương pháp quản lý, ... Trong đó kế toán là một trong những công cụ quan trọng và không thể thiếu.

Chúng ta cũng đã biết thuế ra đời, tồn tại và phát triển cùng với sự hình thành và phát triển của Nhà nước, thuế là một vấn đề hết sức quan trọng đối với bất cứ quốc gia nào trên thế giới, từ những nước phát triển đến các nước đang phát triển. Thuế không chỉ đơn thuần là nguồn thu đối với ngân sách nhà nước mà nó còn gắn liền với các vấn đề tăng cường kinh tế, công bằng trong phân phối và ổn định xã hội. Thuế trở thành công cụ điều tiết nền kinh tế và có tác động tới quá trình sản xuất và sự phát triển của một đất nước. Tuy nhiên mâu thuẫn về việc nộp thuế giữa doanh nghiệp và Nhà nước dẫn đến nảy sinh nhiều vấn đề. Chính vì vậy thuế và kế toán thuế là vấn đề được quan tâm của nhiều doanh nghiệp. Nhà nước và đồng thời cũng là vấn đề nhức nhối mà xã hội quan tâm.

Ở nước ta, “Luật thuế GTGT và Luật thuế TNDN được thông qua tại kỳ họp thứ 11 Quốc hội khoá IX ngày 10/05/1997 và chính thức áp dụng từ 01/01/1999 thay cho Luật thuế doanh thu, thuế lợi tức trước đây. Thuế GTGT, thuế TNDN ra đời từ rất lâu và áp dụng rộng rãi trên thế giới. Nhưng đối với nước ta đây là sắc thuế mới, còn non trẻ so với sự vận động của cơ chế kinh tế hiện nay ở nước ta. Trong những năm qua, Nhà nước ta đã không ngừng sửa đổi, bổ sung nhằm hoàn thiện hai sắc thuế này. Việc sửa đổi các chính sách thuế có tác động rất lớn đến các doanh nghiệp”.

Thuế và kế toán thuế là một phạm trù rất rộng, nó lại đang là vấn đề mà xã hội rất quan tâm bởi thực tế có rất nhiều tập đoàn, doanh nghiệp lớn, các công ty đa quốc gia có hành vi gian lận thuế. Trong khi đó Việt Nam là một nước nhỏ đang trên đà phát triển với đa số các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Do vậy việc tìm hiểu công tác thuế tại các công ty này cũng là vấn đề đáng được quan tâm. Mặt khác kế toán thuế giữ vai trò quan trọng trong bộ máy kế toán của bất kì một doanh nghiệp nào. Đây là công việc khó đòi hỏi người làm kế toán phải nắm bắt chắc kiến thức thuế vận dụng cả luật kế toán và luật thuế một cách hợp lí. Hơn nữa, luật thuế lại không ngừng đổi mới và thay đổi do đó cần nắm bắt cập nhật thường xuyên và kịp thời để tránh mắc sai phạm và gây thất thoát cho chính doanh nghiệp.

Nhận thấy tầm quan trọng của kế toán thuế và các kiến thức đã học thực tế tại đơn vị “Công ty Cổ phần Xây dựng - Giao thông Thừa Thiên Huế” với mong muốn tìm hiểu sâu sắc hơn công tác thuế nên em quyết định chọn đề tài **“Thực trạng công tác kế toán thuế Giá trị gia tăng và thuế Thu nhập doanh nghiệp tại công ty Cổ phần Xây dựng - Giao thông Thừa Thiên Huế”** để làm khóa luận tốt nghiệp của mình.

2. Mục tiêu nghiên cứu của đề tài

- Nghiên cứu thực trạng công tác tổ chức kế toán thuế GTGT và thuế TNDN tại công ty theo đúng quy định của Luật thuế, thông tư và các văn bản liên quan đến thuế GTGT và thuế TNDN.

- Phân tích, đánh giá thực trạng công tác kế toán thuế GTGT và thuế TNDN tại công ty Cổ phần Xây dựng - Giao thông TT.Huế.

- Hoàn thiện công tác kế toán thuế GTGT và thuế TNDN tại công ty cổ phần Xây dựng – Giao thông Thừa Thiên Huế.

3. Đối tượng nghiên cứu của đề tài

Đề tài tập trung đi sâu nghiên cứu những vấn đề về cơ sở lí luận và thực tiễn công tác kế toán thuế GTGT và thuế TNDN tại Công ty Cổ phần Xây dựng - Giao thông Thừa Thiên Huế.

4. Phạm vi nghiên cứu của đề tài

- Phạm vi không gian: Địa điểm thực hiện nghiên cứu thực tế và thực hiện đề tài này tại Công ty Cổ phần Xây dựng - Giao thông TT.Huế, Lô 77 đường Phạm Văn Đồng, phường Võ Dạ, tỉnh Thừa Thiên Huế cụ thể là trong phòng Kế toán - Tài vụ.

- Phạm vi thời gian: Đề tài được thực hiện từ ngày 16/09/2019 đến ngày 23/12/2019. Đề tài tập trung phân tích thực trạng công tác kế toán thuế GTGT và thuế TNDN của công ty dựa trên số liệu và các tài liệu khác liên quan trong năm 2018 là chủ yếu.

- Phạm vi nội dung: Đề tài nghiên cứu công tác kế toán thuế GTGT và thuế TNDN tại Công ty Cổ phần Xây dựng - Giao thông TT.Huế.

5. Phương pháp nghiên cứu.

Để thực hiện đề tài này, tôi đã sử dụng kết hợp các phương pháp sau:

- Phương pháp phỏng vấn: Đối tượng phỏng vấn là nhân viên phòng kế toán, với nội dung phỏng vấn là những câu hỏi liên quan đến kế toán nói chung và cụ thể về công tác tổ chức kế toán thuế.

- Phương pháp nghiên cứu tài liệu: Thu thập thông tin trên sách vở, tham khảo tài liệu tại thư viện trường, các giáo trình, luận văn, Internet, các tạp chí kế toán, Thông tư, Nghị định, Luật liên quan đến các loại thuế trong doanh nghiệp.

- Phương pháp quan sát: Đến đơn vị, quan sát quá trình làm việc, quá trình nhập và luân chuyển chứng từ cũng như quá trình xảy ra các nghiệp vụ liên quan đến thuế.

- Phương pháp thu thập và xử lý số liệu: Thu thập các số liệu thô cần thiết cho đề tài bằng cách photo, chụp ảnh làm căn cứ chứng minh các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh. Toàn bộ số liệu thô được chọn lọc và xử lý để đưa vào bài luận sao cho thông tin đến với người đọc một cách hiệu quả nhất.

- Phương pháp phân tích, so sánh, đánh giá: Nhằm phân tích tình hình hoạt động của công ty trong thời gian qua, tình hình công tác kế toán thuế GTGT và thuế TNDN. Từ đó đưa ra các giải pháp và kiến nghị góp phần nâng cao hiệu quả công tác kế toán thuế tại công ty.

6. Kết cấu của đề tài.

Nội dung của đề tài được triển khai tìm hiểu trong 3 phần:

Phần I: Đặt vấn đề.

Phần II: Nội dung và kết quả nghiên cứu.

Chương 1: Cơ sở lí luận về thuế, kế toán thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán thuế GTGT và thuế TNDN tại Công ty Cổ phần Xây dựng-Giao thông Thừa Thiên Huế.

Chương 3: Một số giải pháp hoàn thiện công tác kế toán thuế GTGT và thuế TNDN tại Công ty Cổ phần Xây dựng - Giao thông TT.Huế.

Phần III: Kết luận.

7. Tính mới của đề tài

Thuế GTGT và thuế TNDN không quá xa lạ và lại là vấn đề được rất nhiều người tìm hiểu và quan tâm tuy nhiên luật về thuế không ngừng đổi mới và hoàn thiện nhằm khắc phục những điểm yếu đảm bảo quyền lợi cho đối tượng nộp thuế. Trong những năm gần đây luật thuế các quy định hoạch toán về thuế không ngừng thay đổi. Chính vì thế thuế GTGT và thuế TNDN không phải là cũ mà trong cũ có mới là đề tài có tính mới mẽ cần tìm hiểu và nghiên cứu.

PHẦN II: NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ THUẾ, KẾ TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG VÀ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

1.1. Những vấn đề cơ bản về thuế

* Khái niệm về thuế:

Định nghĩa tương đối cổ điển (Gaston Jeze-Tài chính công) về thuế: “Thuế là khoản trích nộp bằng tiền, có tính chất xác định, không hoàn trả trực tiếp do các công dân đóng góp cho Nhà nước thông qua con đường quyền lực nhằm bù đắp những chi tiêu của Nhà nước”.

Trên góc độ phân phối thu nhập: “Thuế là hình thức phân phối và phân phối lại tổng sản phẩm xã hội và thu nhập quốc dân nhằm hình thành các quỹ tiền tệ tập trung của Nhà nước để đáp ứng các nhu cầu chi tiêu cho việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước”.

Theo từ điển Tiếng Việt: “Thuế là khoản tiền hay hiện vật mà người dân hoặc các tổ chức kinh doanh tùy theo tài sản, thu nhập, nghề nghiệp... buộc phải nộp cho Nhà nước theo mức quy định”.

Ta có định nghĩa về thuế:

“Thuế là một khoản nộp bắt buộc mà các thể nhân và pháp nhân có nghĩa vụ phải thực hiện đối với Nhà nước, phát sinh trên cơ sở các văn bản pháp luật do Nhà nước ban hành, không mang tính chất đối giá và hoàn trả trực tiếp cho đối tượng nộp thuế”.

* Đặc điểm của thuế

- Duy trì quyền lực chính trị, thực hiện chức năng của Nhà nước.
- Dựa vào thực trạng nền Kinh tế: GDP, chỉ số tiêu dùng, chỉ số giá sản xuất, thu nhập, lãi suất....
- Thực hiện theo nguyên tắc không đối giá và hoàn trả trực tiếp.

* Vai trò của thuế

Thuế có vai trò quan trọng và đặc biệt như sau:

- Nguồn thu của NSNN.
- Công cụ điều chỉnh các mục tiêu kinh tế vĩ mô.

1.2. Nội dung cơ bản về thuế Giá trị gia tăng**1.2.1. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về thuế GTGT**

- Thông tư 219/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng và Nghị định 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng.

- Thông tư 119/2014/TT-BTC sửa đổi Thông tư 156/2013/TT-BTC, 111/2013/TT-BTC, 219/2013/TT-BTC, 08/2013/TT-BTC, 85/2011/TT-BTC, 39/2014/TT-BTC và 78/2014/TT-BTC để cải cách, đơn giản thủ tục hành chính về thuế do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành.

- Thông tư 151/2014/TT-BTC hướng dẫn thi hành Nghị định 91/2014/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định quy định về thuế do Bộ trưởng BTC ban hành.

- Thông tư 26/2015/TT-BTC hướng dẫn thuế giá trị gia tăng và quản lý thuế tại Nghị định 12/2015/NĐ-CP, sửa đổi Thông tư 39/2014/TT-BTC về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ do Bộ Tài chính ban hành.

- Nghị định 100/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT, Luật thuế TTĐB và Luật quản lý thuế.

- Thông tư 173/2016/TT-BTC (HL: 15/12/2016) sửa đổi khổ thứ nhất khoản 3 Điều 15 Thông tư 219/2013/TT-BTC hướng dẫn thi hành về thuế GTGT (đã được sửa đổi theo thông tư 119/2014, Thông tư 151/2014 và thông tư 26/2015 của BTC).

- Thông tư số 93/2017/TT-BTC sửa đổi bổ sung Nghị định 219/2013/TT-BTC, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/08/2014 của BTC bãi bỏ mẫu 06/GTGT từ 05/11/2017.

- Nghị định 146/2017/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 100/2016/NĐ-CP và Nghị định 12/2015/NĐ-CP về thuế GTGT, thuế TNDN. Hiệu lực ngày 01/02/2018.

- Thông tư 25/2018/TT-BTC sửa đổi bổ sung khoản 23 Điều 4 Thông tư số 219/2013/TT-BTC (ban hành ngày 16/03/2018, HL: 01/05/2018).

=> Tất cả hướng dẫn quy định về thuế GTGT trên đều được ban hành hợp nhất tại văn bản hợp nhất tại VĂN BẢN HỢP NHẤT 14/VBHN-BTC NĂM 2018 HƯỚNG

DẪN THI HÀNH THUẾ GTGT VÀ NGHỊ ĐỊNH 209/2013/NĐ-CP HƯỚNG DẪN LUẬT THUẾ GTGT DO BTC BAN HÀNH (BH:09/05/2018, HL: 09/05/2018).

1.2.2. Khái niệm

“Thuế GTGT tên Tiếng anh là Value Added Tax, viết tắt VAT. Thuế giá trị gia tăng (GTGT) là một loại thuế gián thu tính trên giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng (điều 2 Theo luật 13/2018 thuế GTGT của Bộ Tài Chính).”

1.2.3. Đối tượng nộp thuế

- Người nộp thuế (NNT) GTGT là tổ chức cá nhân SXKD chịu thuế GTGT ở Việt Nam (sau đây gọi là cơ sở kinh doanh) và tổ chức, cá nhân nhập khẩu HHDV từ nước ngoài chịu thuế GTGT (sau đây gọi là người nhập khẩu).

- Tổ chức cá nhân SXKD tại Việt Nam mua dịch vụ (kể cả trường hợp mua dịch vụ gắn với hàng hóa) của tổ chức nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam, cá nhân ở nước ngoài là đối tượng không cư trú tại Việt Nam thì tổ chức, cá nhân mua dịch vụ là người nộp thuế, trừ trường hợp không phải kê khai, tính thuế nộp thuế GTGT quy định tại Điểm b, Khoản 3, Điều 2 NĐ 209/2013.

- Các trường hợp không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT:

+ Tổ chức cá nhân nhận các khoản thu bồi thường, tiền thưởng, tiền hỗ trợ, tiền chuyển nhượng, quyền phát thải và các khoản thu tài chính khác;

+ Tổ chức cá nhân SXKD tại Việt Nam mua dịch vụ của các tổ chức nước ngoài không có CSTT tại Việt Nam, cá nhân ở nước ngoài là đối tượng không cư trú tại Việt Nam gồm sửa chữa phương tiện vận tải, máy móc thiết bị (bao gồm cả vật tư phụ tùng thay thế), quảng cáo tiếp thị, xúc tiến đầu tư thương mại, môi giới HHDV, đào tạo, chia cước dịch vụ bưu chính, viễn thông quốc tế giữa Việt Nam với nước ngoài (các dịch vụ này thực hiện ở ngoài Việt Nam);

+ Tổ chức các cá nhân không kinh doanh, không phải là NNT GTGT bán tài sản;

+ Tổ chức, cá nhân chuyển nhượng dự án đầu tư để SXKD HHDV chịu thuế GTGT cho DN, HTX;

+ DN, HTX nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ bán sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy hải sản chưa chế biến thành sản phẩm khác hoặc mới chỉ qua sơ chế thông thường cho DN, HTX ở khâu kinh doanh thương mại;

+ TSCĐ đang sử dụng trích khấu hao khi điều chuyển theo giá trị ghi trên sổ sách kế toán giữa CSKD và các đơn vị thành viên do một CSKD sở hữu 100% vốn hoặc giữa các đơn vị thành viên do một CSKD sở hữu 100% vốn để phục vụ SXKD HHDV chịu thuế GTGT thì không phải lập hóa đơn kê khai nộp thuế GTGT;

+ Các trường hợp khác:

- Góp vốn bằng tài sản để thành lập doanh nghiệp;
- Điều chuyển tài sản giữa các đơn vị hạch toán phụ thuộc trong DN, điều chuyển tài sản khi phân chia, tách hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình DN;
- Thu đòi người thứ 3 của hoạt động bảo hiểm;
- Các khoản thu hộ không liên quan đến việc bán HHDV;
- Doanh thu HHDV nhận bán đại lý và doanh thu hoa hồng được hưởng từ hoạt động đại lý bán đúng giá quy định của bên giao đại lý hưởng hoa hồng của dịch vụ: Bưu chính, viễn thông, bán vé xổ số, vé máy bay, ô tô, tàu hỏa, tàu thủy, đại lý vận tải quốc tế, đại lý của các dịch vụ ngành hàng không, hàng hải mà được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% đại lý bán bảo hiểm;
- Doanh thu HHDV và doanh thu hoa hồng đại lý được hưởng từ hoạt động đại lý bán HHDV thuộc diện không chịu thuế GTGT;
- Người nộp thuế là đại lý bán HHDV hoặc đại lý mua hàng hóa theo hình thức bán, mua đúng giá hưởng hoa hồng không phải khai thuế GTGT đối với HHDV bán đại lý, hàng hóa thu mua đại lý;
- CSKD không phải nộp thuế GTGT khâu nhập khẩu trong trường hợp nhập khẩu hàng hóa đã xuất khẩu nhưng bị phía nước ngoài trả lại. Khi CSKD bán hàng hóa bị trả lại này trong nội địa thì phải kê khai nộp thuế GTGT.

1.2.4. Đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng

Hàng hóa, dịch vụ dùng cho SXKD và tiêu dùng ở Việt Nam (bao gồm cả HHDV mua của tổ chức, cá nhân ở nước ngoài), trừ các đối tượng không chịu thuế GTGT.

1.2.5. Đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng

Đối tượng không chịu thuế: Gồm 26 nhóm Hàng hóa, dịch vụ.

Tính chất hàng hóa dịch vụ không chịu thuế:

- a) Mang tính chất thiết yếu.
- b) Thuộc các hoạt động ưu đãi vì mục tiêu xã hội, nhân đạo.
- c) Của một số ngành cần khuyến khích.
- d) Nhập khẩu nhưng không tiêu dùng tại Việt Nam.
- e) Khó xác định giá trị tăng thêm.

Cụ thể:

- Sản phẩm nông nghiệp, sản phẩm và dịch vụ phục vụ nông nghiệp;
- HHDV mang tính chất thiết yếu phục vụ nhu cầu đời sống cộng đồng không mang tính chất kinh doanh;
- HHDV của một số ngành cần khuyến khích phát triển khuyến khích SXHH, mở rộng sản xuất trong nước;
- Các dịch vụ tài chính, ngân hàng, kinh doanh chứng khoán, dịch vụ cấp tín dụng, kinh doanh chứng khoán, chuyển nhượng vốn, bán nợ, kinh doanh ngoại tệ;
- Hàng hóa mang tính chất phục vụ nhu cầu đặc biệt của nhà nước hoặc cần bảo mật vũ khí, khí tài nguyên dùng phục vụ ANQP, dự trữ quốc gia;
- HHDV thuộc các hoạt động được ưu đãi vì mục tiêu xã hội, nhân đạo. Nhập khẩu để viện trợ nhân đạo tổ chức cá nhân nước ngoài theo tiêu chuẩn miễn trừ ngoại giao hàng hóa tiêu chuẩn miễn thuế;
- Hàng hóa nhập khẩu nhưng thực chất không phục vụ cho hoạt động SXKD và tiêu dùng tại Việt Nam. Hàng chuyển khẩu, quá cảnh mượn đường, hàng tạm nhập khẩu tái xuất khẩu, hàng hóa xuất tái nhập khẩu;
- HHDV khác thuộc diện không chịu thuế khác HHDV cá nhân có doanh thu dưới 100 triệu / năm.

Ví dụ:

- a) Sản phẩm trồng trọt (bao gồm cả sản phẩm rừng trồng), chăn nuôi, thủy sản...chưa chế biến thành các sản phẩm khác.
- b) Sản phẩm là giống vật nuôi, giống cây trồng, bao gồm trứng giống, con giống...ở các khâu nuôi trồng, nhập khẩu và kinh doanh thương mại; tưới, tiêu nước, bùn đất; nạo vét...phục vụ sản xuất Nông nghiệp.
- c) Sản phẩm muối được sản xuất từ nước biển, muối mỏ tự nhiên, muối tinh, muối i-ốt được chế biến từ NaCl

1.2.6. Căn cứ tính thuế và phương pháp tính thuế giá trị gia tăng

1.2.6.1. Căn cứ tính thuế giá trị gia tăng

❖ Căn cứ tính thuế GTGT

Căn cứ tính thuế GTGT là giá tính thuế và thuế suất.

Thuế GTGT = Giá tính thuế GTGT X Thuế suất Giá tính thuế

Nguyên tắc: Giá tính thuế là giá chưa có thuế GTGT.

GTT gồm các khoản phụ thu phí thu thêm ngoài giá bán mà CSKD được hưởng trừ các khoản phụ thu phí phải nộp NSNN ghi trên hóa đơn bán hàng chứng từ của HHDV nhập khẩu, doanh thu ngoại tệ quy đổi ra VNĐ.

- Đối với HHDV do cơ sở sản xuất kinh doanh bán ra chưa có thuế GTGT:

+ Đối với HHDV chịu thuế TTĐB là giá bán đã có thuế tiêu thụ đặc biệt nhưng chưa có thuế GTGT;

+ Đối với hàng hóa chịu thuế BVMT là giá bán bao gồm thuế BVMT nhưng chưa bao gồm thuế GTGT;

+ Đối với hàng hóa vừa chịu thuế TTĐB vừa chịu thuế BVMT là giá bán đã có thuế TTĐB, thuế BVMT nhưng chưa có thuế GTGT;

- Đối với hàng hóa nhập khẩu giá tính thuế GTGT là giá nhập tại cửa khẩu, cộng (+) với thuế nhập khẩu thực tế phải nộp (nếu có), cộng (+) với thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có) và cộng (+) với thuế bảo vệ môi trường (nếu có).

$GTT = \text{Giá NK} + \text{Thuế NK (nếu có)} + \text{Thuế TTĐB (nếu có)} + \text{Thuế BVMT (nếu có)}$

Giá nhập tại cửa khẩu được xác định theo quy định về giá tính thuế hàng nhập khẩu.

Lưu ý:

+ Giá NK là CIF (là giá mua đã bao gồm chi phí) cả chi phí vận tải <F>, phí bảo hiểm <I> và người mua không phải thêm chi phí nào khác;

$$\Rightarrow GTT = \text{giá CIF}$$

+ Giá NK là giá FOB (là giá mua chưa bao gồm chi phí);

$$\Rightarrow GTT = \text{giá FOB} + \text{chi phí vận tải } <F> + \text{chi phí bảo hiểm } <I>$$

Nếu doanh nghiệp được miễn giảm thì căn cứ tính thuế là sau khi đã được miễn thuế.

- Đối với sản phẩm, HHDV (kể cả mua ngoài hoặc do CSKD tự sản xuất) dùng để trao đổi, tiêu dùng nội bộ, biếu, tặng cho, trả thay lương GTT là giá chưa thuế GTGT của HHDV tương đương, cùng loại trên thị trường tại thời điểm phát sinh hoạt động trao đổi, biếu, tặng, trả thay lương.

- Đối với sản phẩm, HHDV tiêu dùng nội bộ:

+ Khi tiêu dùng nội bộ: Hàng hóa luân chuyển nội bộ xuất hàng hóa để dùng cho các bộ phận công ty xuất TSCĐ từ chứng từ, thành phẩm để tiếp tục cho quá trình SXKD thì không phải tính nộp thuế GTGT và không phải xuất hóa đơn;

+ Riêng trường hợp: CSKD tự sản xuất, xây dựng TSCĐ (TSCĐ tự làm) để phục vụ SXKD HHDV chịu thuế GTGT thì thuế GTGT đầu vào đã được khấu trừ;

+ Khi xuất HHDV không phục vụ cho SXKD: Phải xuất HĐ như bán cho KH kê khai thuế bình thường.

- Đối với HHDV khuyến mãi theo quy định về thương mại, GTT bằng không (0); trường hợp HHDV khuyến mãi không theo pháp luật về thương mại thì phải kê khai, tính thuế như HHDV dùng để biếu tặng cho:

+ Đối với HHDV để tặng hoặc cho KH dùng thử không trả tiền thì GTT = 0;

+ Đối với HHDV bán với giá thấp hơn giá bán HHDV trước đó thì GTT là giá bán đã giảm trong thời gian khuyến mãi;

+ Đối với khuyến mãi mà kèm theo phiếu mua hàng, sử dụng dịch vụ thì phải kê khai, tính thuế GTGT đối với phiếu mua hàng, sử dụng dịch vụ tặng kèm.

- Đối với hoạt động cho thuê tài sản như thuê nhà, văn phòng xưởng, kho tàng, bến bãi, phương tiện vận chuyển máy móc, thiết bị là số tiền cho thuê chưa có thể

GTGT bao gồm các khoản thu dưới hình thức khác nhau như thu tiền để hoàn thiện, sửa chữa, nâng cấp nhà cho thuê theo yêu cầu của bên thuê.

- Đối với hàng hóa bán theo phương thức trả góp, trả chậm: Là giá bán trả 1 lần chưa thuế GTGT không bao gồm khoản lãi trả góp, lãi trả chậm.

- Đối với gia công hàng hoá: Là giá gia công theo hợp đồng chưa có thuế GTGT bao gồm cả tiền công, chi phí nhiên liệu, vật liệu phụ.

- Đối với xây dựng, lắp đặt: Là giá trị công trình, hạng mục công trình hay phần công việc bàn giao chưa có thuế GTGT.

- Đối với hoạt động chuyển nhượng BĐS, giá tính thuế là giá chuyển nhượng BĐS trừ (-) giá đất được trừ để tính thuế GTGT.

- Đối với hoạt động đại lý, môi giới mua bán HHDV, ủy thác xuất nhập hưởng tiền công hoặc tiền hoa hồng GTT là tiền gia công tiền hoa hồng thu được từ hoạt động này chưa có thuế GTGT.

- Đối với HHDV được sử dụng chứng từ thanh toán là giá đã có thuế GTGT như tem bưu chính, vé xe, vé tàu và một số loại vé khác thì giá tính thuế được xác định theo công thức sau:

$$\text{Giá tính thuế} = \frac{\text{Giá bán đã có thuế GTGT}}{1 + \text{thuế suất}}$$

- Đối với vận tải, bốc xếp là giá cước vận tải, bốc xếp chưa có thuế GTGT.

- Đối với dịch vụ casino, trò chơi điện tử có thưởng, kinh doanh giải trí có đặt cược là số tiền thu được bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt trừ đi số tiền trả cho khách.

$$\text{Giá tính thuế} = \frac{\text{Số tiền thu được}}{1 + \text{thuế suất}}$$

- Đối với dịch vụ du lịch theo hình thức lữ hành, hợp đồng ký với hành khách hàng theo giá trọn gói (ăn, ở, đi lại) thì giá trọn gói là giá đã có thuế GTGT.

$$\text{Giá tính thuế} = \frac{\text{Giá trọn gói}}{1 + \text{thuế suất}}$$

- Đối với dịch vụ cầm đồ, số tiền phải thu từ dịch vụ này bao gồm tiền lãi phải thu từ cho vay cầm đồ và khoản phải thu khác phát sinh từ việc bán hàng cầm đồ (nếu có) được xác định là giá đã có thuế GTGT. Và một số trường hợp đặc thù khác.

- Đối với sách chịu thuế GTGT bán theo đúng giá phát hành (giá bìa) theo quy định của luật xuất bản giá bán xác định là giá bán đã có thuế GTGT tính trên giá bán ra.